

Bản tin Phân tích kỹ thuật

21/10/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 41I1FB000 đóng cửa vượt đường MA20, tạo tiền đề cho nhịp hồi phục với tín hiệu mua. (M15)
- Dự báo hợp đồng này sẽ tiếp cận vùng 1.920-1.925 điểm, vị thế mua được mở với dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.890 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.900 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.920 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.890 điểm

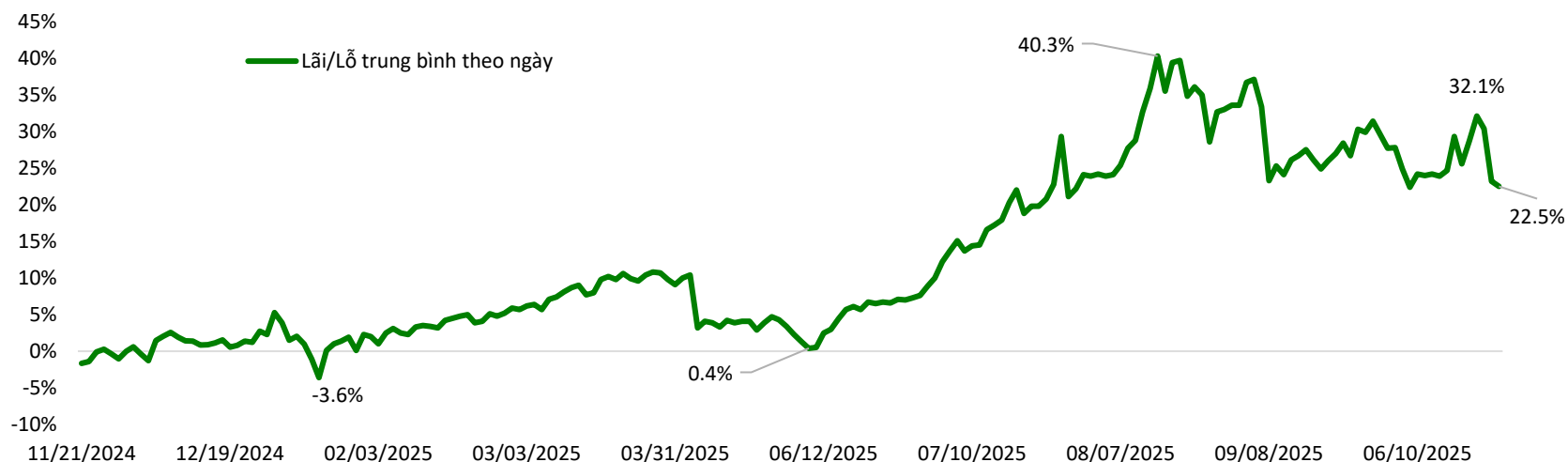
Quan điểm kỹ thuật



- Hoạt động mua giá thấp giúp thu hẹp phần lớn/hoàn toàn đà giảm trên tất cả các chỉ số về cuối ngày. Tuy nhiên, VN-Index và chỉ số VN30 vẫn chưa thể đóng cửa tại mức cao nhất ngày cho thấy vẫn xuất hiện lực cung giá cao. Tín hiệu Tiêu cực ngắn hạn hiện hữu trên tất cả các chỉ số. Trong trung hạn, chỉ số VN30 giữ được mức Tích cực.
- Phiên hồi phục 21/10 chưa giúp các cổ phiếu Ngân hàng cải thiện tín hiệu kỹ thuật bởi 95% cổ phiếu vẫn trong giai đoạn điều chỉnh. Các cổ phiếu có xu hướng tăng ở nhóm ngành còn lại như Bất động sản, Chứng khoán, Vật liệu, Bán lẻ chỉ ở mức thiểu số (dưới 10%). Về hoạt động giao dịch, áp lực bán ở mức cao trên nhóm Chứng khoán nhưng được tiết chế ở mức thấp trên nhóm Ngân hàng và Bất động sản.
- Vùng giá thấp 1.620 điểm sẽ là hỗ trợ trong phiên 22/10. Với áp lực bán diện rộng kèm biên độ giảm cao ở phiên 20/10, chúng tôi duy trì khả năng hoạt động hồi phục ở chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục bị cản trở quanh vùng kháng cự 1.670-1.695 điểm và không loại trừ trường hợp kiểm định lại vùng 1.620 điểm trong ngày.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
HDG	13/10/2025		Dừng lỗ	31,000	32,000	-3.1%	30,900	35,200	32,000	38,000



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	203,400	4.36%	-4.01%	783,703	7.411	3,487	5.5	58.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	110,900	2.69%	-12.68%	455,512	2.652	6,984	2.1	15.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
FPT	93,000	6.90%	0.65%	158,426	2.369	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	32,350	6.94%	-0.92%	124,364	1.872	4,084	2.0	7.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDV	34,500	5.83%	-1.99%	107,347	1.357	3,746	-28.5	9.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HPG	26,800	2.88%	-5.47%	205,702	1.284	1,750	1.7	15.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTG	49,950	2.15%	-8.18%	268,231	1.249	5,608	1.7	8.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MSN	78,000	-4.76%	-5.45%	112,781	-1.165	1,860	3.5	41.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VPB	30,350	2.02%	-6.62%	240,795	1.053	2,603	1.6	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
LPB	49,000	3.16%	-4.85%	146,377	1.002	3,469	3.4	14.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	181,100	6.97%	16.84%	66,283	1.002	9,095	8.9	19.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	37,050	1.51%	-6.44%	260,141	0.850	3,683	1.7	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SSB	18,550	6.61%	-4.38%	52,775	0.756	2,416	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	180,000	3.15%	18.03%	106,490	0.728	3,427	4.5	52.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	56,500	2.73%	-6.85%	118,082	0.698	4,101	3.7	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	87,600	1.27%	-2.12%	78,821	0.556	4,851	6.6	18.1	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSV	182,800	2.58%	11.46%	36,560	0.524	7,830	9.2	23.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IDC	35,500	5.97%	-6.58%	13,472	0.446	3,977	2.4	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,100	-3.21%	-9.04%	16,131	-0.287	174	1.9	86.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	29,000	2.84%	-7.64%	13,861	0.218	2,644	1.0	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	65,400	3.48%	3.81%	11,186	0.216	5,384	3.0	12.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
THD	27,300	3.41%	1.49%	10,510	0.199	226	2.4	121.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,000	-5.06%	-7.41%	5,250	-0.147	746	1.1	20.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBS	29,500	-1.01%	-14.49%	19,432	-0.109	1,682	2.8	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CEO	28,600	-0.69%	-5.92%	16,228	-0.063	354	2.7	80.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	70,500	3.07%	5.22%	212,154	0.339	1,913	5.7	36.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	51,500	1.58%	-4.28%	185,923	0.152	2,751	2.9	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	140,700	1.59%	-5.63%	148,467	0.123	9,003	8.8	15.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	46,000	-3.97%	-9.80%	55,227	-0.114	1,312	4.2	35.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	64,000	4.40%	4.92%	45,803	0.105	4,151	4.8	14.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	26,300	3.95%	-11.45%	29,695	0.061	-707	2.5	-38.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SJG	19,100	12.35%	6.11%	7,642	0.049	1,818	1.1	9.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCR	39,000	11.75%	-9.30%	7,350	0.045	-103	4.7	-340.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SEA	48,000	13.48%	0.00%	5,287	0.037	1,435	2.2	29.5	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
VEF	184,000	-1.23%	-4.91%	31,987	-0.021	96,113	2.7	2.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

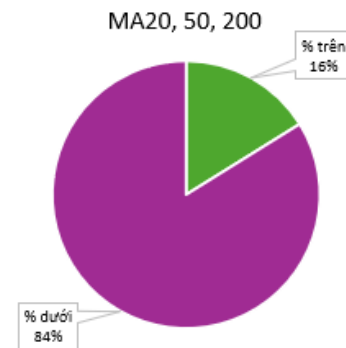
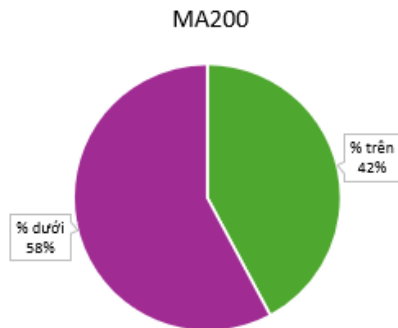
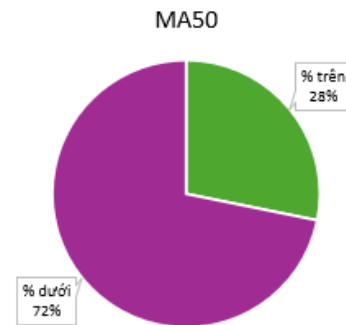
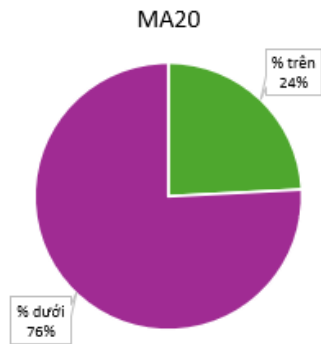
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VJC	180,000	3.2%	750.6	340.9	79,100	175,000	4.5	52.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMP	169,000	7.0%	57.9	17.3	102,155	161,000	4.4	11.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTV	14,200	5.2%	7.9	1.1	4,000	13,800	1.1	-911.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NBB	19,450	-1.8%	8.3	3.3	19,800	26,800	1.1	3,021.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	9,850	-1.1%	14.8	9.9	9,960	17,600	1.0	169.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TDH	5,030	4.8%	9.2	3.3	2,090	5,700	6.3	-2.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
TRC	68,500	4.1%	14.5	3.8	38,773	84,192	1.0	5.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VC2	6,700	-8.2%	11.0	1.9	6,400	10,400	0.5	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHP	11,550	6.9%	16.0	2.9	8,140	11,600	1.1	28.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			21/10/2025	20/10/2025	17/10/2025	16/10/2025	15/10/2025	14/10/2025	13/10/2025	10/10/2025	09/10/2025	08/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	47%	45%	55%	58%	56%	59%	62%	62%	63%	62%
		Dưới	53%	55%	45%	42%	44%	41%	38%	38%	37%	38%
	MA50	Trên	20%	19%	32%	35%	32%	32%	35%	39%	38%	38%
		Dưới	80%	81%	68%	65%	68%	68%	65%	61%	62%	62%
	MA20	Trên	18%	15%	29%	34%	28%	27%	34%	36%	34%	32%
		Dưới	82%	85%	71%	66%	72%	73%	66%	64%	66%	68%

VN30	MA200	Trên	67%	63%	73%	73%	73%	77%	77%	77%	77%	77%
		Dưới	33%	37%	27%	27%	27%	23%	23%	23%	23%	23%
	MA50	Trên	23%	20%	47%	57%	60%	60%	60%	67%	63%	63%
		Dưới	77%	80%	53%	43%	40%	40%	40%	33%	37%	37%
	MA20	Trên	20%	13%	47%	67%	67%	60%	77%	70%	70%	57%
		Dưới	80%	87%	53%	33%	33%	40%	23%	30%	30%	43%

HNX	MA200	Trên	45%	45%	50%	51%	53%	53%	54%	56%	55%	55%
		Dưới	55%	55%	50%	49%	47%	47%	46%	44%	45%	45%
	MA50	Trên	31%	29%	34%	36%	35%	37%	36%	36%	38%	38%
		Dưới	69%	71%	66%	64%	65%	63%	64%	64%	62%	62%
	MA20	Trên	45%	45%	50%	51%	53%	53%	54%	56%	55%	55%
		Dưới	55%	55%	50%	49%	47%	47%	46%	44%	45%	45%

UPCOM	MA200	Trên	27%	28%	31%	29%	29%	31%	34%	34%	34%	35%
		Dưới	73%	72%	69%	71%	71%	69%	66%	66%	66%	65%
	MA50	Trên	31%	32%	34%	34%	34%	34%	36%	36%	36%	36%
		Dưới	69%	68%	66%	66%	66%	66%	64%	64%	64%	64%
	MA20	Trên	39%	39%	42%	43%	43%	44%	44%	45%	45%	45%
		Dưới	61%	61%	58%	57%	57%	56%	56%	55%	55%	55%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 10															Tháng 9				
		21 +	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	30	29	26	25	24
✓ 1	Bất động sản	67	75	82	78	74	74	72	67	62	61	61	55	54	59	64	68	69	72	70	67
2	Ngân hàng	53	61	68	74	73	74	77	77	74	71	73	65	59	59	58	58	57	63	64	61
! 3	Xây dựng và Vật liệu	52	56	59	55	55	58	62	63	62	63	62	56	56	59	62	66	70	75	74	67
4	Bán lẻ	51	53	61	63	62	61	62	63	59	55	53	42	37	39	42	40	43	51	55	51
5	Y tế	49	62	57	60	61	63	67	72	62	62	58	56	56	58	63	63	66	67	70	67
6	Dịch vụ tài chính	48	53	60	60	59	60	62	61	62	63	63	51	44	49	50	48	48	60	61	57
7	Thực phẩm và đồ uống...	45	49	52	53	54	56	61	61	62	60	61	57	53	56	55	52	52	59	60	59
8	Du lịch và Giải trí	45	47	53	56	58	58	59	54	54	55	45	40	38	47	47	45	43	44	44	44
9	Tài nguyên Cơ bản	44	46	50	51	52	52	56	59	58	59	61	58	57	55	58	64	68	71	73	72
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	41	40	43	44	44	41	43	46	47	47	50	45	41	42	43	45	43	52	51	48
11	Ô tô và phụ tùng	34	29	32	34	32	34	37	40	41	40	40	38	38	40	39	40	42	48	49	47
! 12	Dầu khí	31	33	37	37	30	33	37	46	41	34	36	31	33	35	35	44	48	51	49	46
13	Bảo hiểm	28	31	35	35	36	37	42	47	50	51	56	51	52	54	59	54	52	50	44	43
14	Điện, nước & xăng d...	25	27	35	36	36	39	41	43	44	44	45	45	45	48	50	50	52	55	56	54
15	Hóa chất	23	26	29	30	32	34	39	40	37	35	36	34	34	38	38	40	43	48	49	44
16	Hàng cá nhân & Gia ...	22	24	29	28	27	28	32	33	31	31	33	26	25	26	28	32	35	40	41	45
17	Công nghệ Thông tin	20	14	14	16	18	21	24	29	30	29	31	29	29	28	30	35	36	46	52	50

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	32,350	6.9%	-0.9%	124,364	2.0	7.9	4,084	767.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VJC	180,000	3.2%	18.0%	106,490	4.5	52.5	3,427	750.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	181,100	7.0%	16.8%	66,283	8.9	19.9	9,095	254.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	182,800	2.6%	11.5%	36,560	9.2	23.4	7,830	12.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BMP	169,000	7.0%	19.4%	13,834	4.4	11.5	14,639	57.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	65,400	3.5%	3.8%	11,186	3.0	12.2	5,384	23.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HT1	18,800	4.4%	7.4%	7,174	1.4	35.0	538	24.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DDV	33,900	-2.0%	3.7%	5,143	2.4	9.3	3,787	59.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LHC	99,900	1.9%	3.5%	1,439	2.7	10.6	9,467	6.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	50,300	-6.9%	9.3%	1,141	2.3	6.5	8,200	8.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	11,550	6.9%	6.5%	1,000	1.1	28.2	410	16.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	51,600	1.8%	3.3%	760	1.7	9.4	5,467	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTV	14,200	5.2%	13.6%	443	1.1	-911.1	-16	7.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	203,400	4.4%	-4.0%	783,703	5.5	58.3	3,487	739.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	83,000	2.6%	-1.4%	122,712	4.1	25.1	3,304	986.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	86,900	3.6%	2.6%	29,646	2.5	14.2	6,110	87.4	Tích cực	7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
KLB	16,700	0.6%	6.4%	10,006	1.3	6.6	2,609	9.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VC3	28,600	1.4%	0.0%	3,901	2.7	39.5	725	28.1	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
CDC	26,400	5.8%	3.9%	1,393	2.4	36.7	720	18.3	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
NVB	15,400	0.0%	5.5%	18,089	2.8	-3.1	-5,056	8.8	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	51,500	1.6%	-4.3%	185,923	2.9	18.9	2,751	47.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	56,000	-1.8%	-6.7%	135,125	2.0	11.2	5,002	48.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	37,700	-3.5%	-12.3%	27,242	2.2	23.7	1,589	627.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	45,100	-3.0%	-15.9%	20,221	2.2	14.6	3,090	88.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	10,200	1.0%	-6.4%	10,549	1.0	35.3	289	7.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	16,600	-2.4%	-9.5%	10,308	0.9	22.1	751	159.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BVB	12,800	2.4%	-9.9%	8,331	1.2	28.2	461	44.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCS	45,500	0.7%	-4.6%	7,280	1.4	10.0	4,536	5.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QTP	12,800	-0.8%	-1.5%	5,805	1.1	10.5	1,224	7.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,800	-1.5%	-10.0%	5,364	1.7	16.9	1,763	44.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	27,950	-0.2%	-3.5%	3,131	1.4	10.4	2,693	47.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
C4G	8,200	-2.4%	-6.8%	3,001	0.8	29.0	290	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	16,000	-4.5%	-9.6%	2,600	0.8	15.8	1,012	16.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DRC	15,100	0.7%	-4.7%	2,332	1.3	15.9	949	5.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	6,300	-1.6%	-10.0%	2,257	1.3	12.1	539	14.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDI	7,160	0.6%	-8.3%	1,956	0.6	22.7	316	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
LAS	16,500	-1.8%	-6.8%	1,862	1.3	10.8	1,523	8.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HQC	3,150	-1.3%	-7.9%	1,816	0.3	65.7	48	16.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAC	21,600	-2.7%	-11.1%	1,506	1.5	12.9	1,675	14.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPX	4,490	-2.6%	-8.6%	1,366	0.4	23.1	194	13.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDC	35,500	5.97%	-6.58%	56,100	67.5%	3,977	2.4	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	31,750	0.63%	-0.47%	47,100	49.3%	716	2.0	44.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SIP	51,500	3.00%	-6.53%	73,900	47.8%	5,215	2.7	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	29,000	2.84%	-7.64%	41,600	47.5%	2,644	1.0	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	51,500	1.58%	-4.28%	74,300	46.5%	2,751	2.9	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,800	5.63%	-3.15%	46,600	45.6%	3,186	1.8	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	89,200	2.53%	-7.28%	126,000	44.8%	8,175	2.3	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	36,750	2.23%	1.15%	51,600	43.5%	1,703	1.8	21.6	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
PC1	22,500	3.69%	-8.54%	31,100	43.3%	1,189	1.4	18.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	18,550	0.27%	-4.13%	26,200	41.6%	1,579	1.0	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SZC	29,800	-1.49%	-9.97%	42,400	40.2%	1,763	1.7	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	33,700	6.98%	1.81%	43,900	39.4%	1,065	1.8	31.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,000	6.90%	0.65%	121,200	39.3%	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHR	50,200	3.19%	-7.55%	67,400	38.5%	3,756	1.8	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,100	-3.01%	-15.86%	64,100	37.8%	3,090	2.2	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,800	2.88%	-5.47%	35,300	35.5%	1,750	1.7	15.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	56,000	-1.75%	-6.67%	76,100	33.5%	5,002	2.0	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	44,450	1.02%	-2.09%	58,000	31.8%	3,185	2.7	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVD	19,700	4.23%	-5.29%	24,900	31.7%	1,428	0.7	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	23,200	4.74%	-3.13%	29,000	30.9%	957	1.4	24.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn